

Bản án số: 171/2024/HS-ST

Ngày 26-12-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Thảo

Ông Trần Minh Thân

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Việt Cường, Thư ký Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thùy Dương.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 167/2024/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Lê Đình Chánh H; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 03 tháng 02 năm 1995, tại thành phố Đà Nẵng; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: tổ 54, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Đình T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Liên H (sinh năm 1970); Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình có 02 (hai) anh em, chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 11/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt tại phiên tòa).*

2. Lê Thị Thanh N; Giới tính: nữ; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1991, tại tỉnh Phú Yên; Nơi thường trú: Thôn Cẩm Sơn, xã Hòa Quang Bắc, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên; Nơi ở hiện tại: Số 44 đường An Thượng 1, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Nghề nghiệp: không; Con ông Lê Văn L (đã chết) và bà Đặng Thị V (sinh năm 1963); Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 04 (bốn) anh em, chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân:

Ngày 18/02/2012, bị Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên xử

phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 11/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

* Người chứng kiến: Bà Lê Thị Thảo S, sinh năm 1996; địa chỉ: Tổ 54, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng *(Vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 00 phút, ngày 11/01/2024, Lê Đình Chánh H liên lạc rủ N đến nhà 28 đường Trần Xuân Lê, thành phố Đà Nẵng chơi ma túy thì N đồng ý. H liên lạc cho 01 người đàn ông (chưa rõ nhân thân lai lịch) hỏi mua 02 viên ma túy thuốc lắc và nửa hộp năm ma túy khay, tiền sẽ tính sau, người đàn ông đồng ý. H đi theo chỉ dẫn của người bán ma túy đến vỉa hè đường Phan Thanh, thành phố Đà Nẵng (không rõ địa chỉ) lấy 02 viên ma túy thuốc lắc và nửa hộp năm ma túy khay. H đem số ma túy trên về nhà số 28 đường Trần Xuân Lê, thành phố Đà Nẵng rồi lấy 01 đĩa sứ màu trắng ở bếp vào phòng vệ sinh dùng bật lửa hơi nóng đĩa rồi mang vào phòng ngủ đưa cho N. N đổ ma túy khay ra đĩa, nghiền nhỏ và tự xào ma túy bằng thẻ Căn cước công dân để cả hai cùng sử dụng. Lúc này, H sử dụng 1/3 viên ma túy thuốc lắc rồi đưa cho N sử dụng một ít, phần ma túy thuốc lắc còn lại N bỏ vào gói nilong chứa ma túy khay dư trước đó mà không cho H biết rồi cất vào túi quần bên trái N đang mặc với mục đích để sử dụng sau này. Sau đó, H lấy tờ tiền 10.000 đồng của H đã được cuộn tròn sẵn từ trước đó làm dụng cụ cùng N sử dụng ma túy. N sử dụng điện thoại của mình kết nối với loa để mở nhạc để phục vụ cho quá trình sử dụng ma túy, H bật đèn rồi cùng N nghe nhạc và sử dụng ma túy. Đến 10 giờ cùng ngày, H và N bị bắt quả tang về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, thu giữ trên nền nhà trong phòng 01 đĩa sứ màu trắng bên trên có chất bột màu trắng, được đổ vào 01 gói nilong có kích thước (11,5x7) cm và 01 viên nén màu xanh hình kim cương, được niêm phong, ký hiệu là G1. Tiếp tục kiểm tra và thu giữ trong túi quần của Lê Thị Thanh N đang mặc có 01 gói nilong kích thước (4x7,5) cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng và 01 viên nén màu xanh không rõ hình dạng, được niêm phong, ký hiệu là G2.

Tiến hành kiểm tra điện thoại di động của Lê Đình Chánh H và Lê Thị Thanh N, không phát hiện nội dung gì liên quan đến vụ án. Qua kết quả thử nước tiểu, Lê Đình Chánh H và Lê Thị Thanh N dương tính với chất ma túy.

* Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã thu giữ vật chứng:

- Mẫu vật hoàn trả sau giám định được niêm phong trong bì niêm phong kèm theo kết luận giám định số 90/KL-KTHS ngày 19/01/2024, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng.

- 01 loa màu đen có chữ “harman kardon”.

- 01 đèn màu trắng, 01 đèn màu đen có chữ K10.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, số imei: 350981863174618, có gắn sim số 0935030610.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, số imei: 357650612858358, có gắn sim số 0972101091.

- Số tiền: 200.000 đồng.

(Vật chứng hiện đang được Chi cục Thi hành dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tạm thời quản lý).

* Tại Bản Kết luận giám định số 90/KL-KTHS ngày 19/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

- Tinh thể màu trắng trong mẫu ký hiệu G1a, G2a gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu G1a là 0,838gam; G2a là 0,570gam;

- 01 viên nén, 01 mảnh vỡ viên nén màu xanh trong mẫu ký hiệu G1b, G2b gửi giám định là ma túy, loại MDMA; khối lượng mẫu G1b là 0,525 gam, G2b là 0,160 gam;

- Chất bột màu trắng bám dính trên một đĩa sứ màu trắng, 01 Căn cước công dân mang tên Lê Đình Chánh H, 01 tờ tiền 10.000 đồng được cuộn tròn trong bì niêm phong ký hiệu G3 gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, Không xác định khối lượng mẫu G3.

Tại bản Cáo trạng số: 153/CT-VKS ngày 21 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê đã truy tố các bị cáo Lê Đình Chánh H và Lê Thị Thanh N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; đồng thời truy tố bị cáo Lê Thị Thanh N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, hành vi thực hiện tội phạm, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Lê Đình Chánh H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Lê Đình Chánh H mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Bị cáo Lê Thị Thanh N phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh N mức án từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh N mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

Tịch thu, tiêu hủy đối với: Ma túy hoàn trả sau giám định được niêm phong trong bì niêm phong kèm theo kết luận giám định số 90/KL-KTHS ngày 19/01/2024, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, 01 đĩa sứ màu trắng.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước đối với: số tiền 10.000 đồng được đựng trong bì niêm phong kèm theo kết luận giám định số 90/KL-KTHS ngày 19/01/2024, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng; 01 loa màu đen có chữ “harman kardon”; 01 đèn màu trắng, 01 đèn màu đen có chữ K10; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 promax màu xám, số imei: 350981863174618, có gắn sim số 0935030610; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 promax màu tím, số imei: 357650612858358, có gắn sim số 0972101091.

Trả lại 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Lê Đình Chánh H được niêm phong kèm theo Kết luận giám định cho bị cáo H. Trả lại số tiền 200.000 đồng cho bị cáo N nhưng tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo Lê Đình Chánh H và Lê Thị Thanh N thống nhất với nội dung cáo trạng, thừa nhận hành vi phạm tội mà mình đã gây ra, các bị cáo rất ăn năn hối lỗi, đồng thời mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tại phiên tòa, người chứng kiến bà Lê Thị Thảo S vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng bà S đã được lấy lời khai và sự vắng mặt của bà không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà S.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Trong quá trình điều tra và truy tố, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Lê Đình Chánh H và Lê Thị Thanh N đã thống nhất khai nhận:

Khoảng 10 giờ ngày 11/01/2024, tại số nhà 28 Trần Xuân Lê, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, các bị cáo Lê Đình Chánh H và Lê Thị Thanh N đang có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Thanh Khê phát hiện bắt quả tang, thu giữ trên nền nhà, trong phòng 0,838 gam ma túy loại ketamin và 0,525 gam ma túy, loại MDMA. Tiến hành thử test ma túy đối với Lê Đình Chánh H và Lê Thị Thanh N xác định kết quả dương tính với chất ma túy.

Tiếp tục kiểm tra và thu giữ trong túi quần của Lê Thị Thanh N đang mặc có cất giấu 0,570 gam ma túy loại ketamin và 0,160 gam ma túy, loại MDMA. H và N thống nhất khai nhận N cất giấu số ma túy này nhằm mục đích để sử dụng riêng cho bản thân và H không biết về việc N cất giấu ma túy.

Lời khai của các bị cáo Lê Đình Chánh H và Lê Thị Thanh N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, truy tố, phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét khẩn cấp; lời khai của người làm chứng; vật chứng thu giữ; kết luận giám định...Nhu vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận hành vi của các bị cáo Lê Đình Chánh H và Lê Thị Thanh N đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; đồng thời hành vi cất giấu ma túy để sử dụng của bị cáo Lê Thị Thanh N đã cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự;

Nhu vậy, Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê truy tố các bị cáo Lê Đình Chánh H và Lê Thị Thanh N với tội danh như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật, cần được chấp nhận.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm từ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, ma túy là một trong những vấn nạn của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Do tác hại quá lớn của ma túy nên Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, biện pháp nhằm tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống ma túy cũng như quyết tâm loại trừ các tệ nạn về ma túy ra khỏi đời sống xã hội. Trong vụ án này, các bị cáo Lê Đình Chánh H và Lê Thị Thanh N là những người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, biết rõ hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và Tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì để thoả mãn thú vui của bản thân

nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý về các chất ma túy của nhà nước, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính tại địa phương, gây nguy hại đến sức khỏe con người, là nguồn gốc lây lan tệ nạn nghiện ma túy và các căn bệnh xã hội khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Đây là vụ án có hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội mang tính đồng phạm giản đơn, hành vi của các bị cáo có sự phối hợp, phân chia nhiệm vụ với nhau. Vì vậy việc áp dụng hình phạt đối với từng bị cáo về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cần phải có sự phân hóa vai trò để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo. Trong vụ án này, xét vai trò của từng bị cáo thì thấy:

Đối với hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: Bị cáo Lê Đình Chánh H đóng vai trò là người chủ mưu, cầm đầu việc thực hiện tội phạm. H là người trước tiên nảy sinh ý định, rủ rê bị cáo N cùng tham gia sử dụng ma túy, sau khi N đồng ý, H thực hiện việc liên hệ đặt mua ma túy và cũng là người đi lấy ma túy về, hơ nóng đĩa sứ để chuẩn bị dụng cụ cho việc sử dụng ma túy. Vì vậy, bị cáo H có vai trò thứ nhất, mức hình phạt phải cao hơn bị cáo N.

Bị cáo Lê Thị Thanh N là đồng phạm với vai trò vừa là người thực hành, vừa là người giúp sức. Bị cáo N là người đổ ma túy ra đĩa, nghiền nhỏ, dùng thẻ xào ma túy, dùng điện thoại phát nhạc phục vụ cho việc tổ chức sử dụng ma túy. Vì vậy, xác định bị cáo N có vai trò thứ hai, mức hình phạt phải thấp hơn bị cáo H là phù hợp.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy: Căn cứ vào các Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét khẩn cấp; lời khai của người làm chứng; vật chứng thu giữ; kết luận giám định...xác định được trong quá trình sử dụng ma túy, bị cáo N có hành vi cất giấu hai chất ma túy là 0,570 gam ma túy loại ketamin và 0,160 gam ma túy, loại MDMA nhằm mục đích để sử dụng sau này. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật Hình sự thì tổng tỷ lệ phần trăm hai chất ma túy MDMA và Ketamine mà bị cáo N tàng trữ được tính như sau:

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của chất ma túy MDMA so với mức tối thiểu đối với chất ma túy MDMA được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 là 3,2% $[(0,160 \text{ gam}/05 \text{ gam}) \times 100\%]$

+ Tỷ lệ phần trăm về khối lượng của chất ma túy Ketamine so với mức tối thiểu đối với chất ma túy Ketamine được quy định tại điểm l khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 là 2,85% $[(0,570 \text{ gam}/20 \text{ gam}) \times 100\%]$

+ Tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng của 02 chất ma túy MDMA và Ketamine so với mức tối thiểu đối với từng chất đó được quy định tại khoản 2

Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 là: $3,2\% + 2,85\% = 6,05\%$ (thuộc trường hợp dưới 100%),

Vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận tổng khối lượng 02 chất ma túy MDMA và Ketamine mà bị cáo N tàng trữ thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo N bị xét xử về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] *Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì thấy:*

Trong vụ án này, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra cũng như tranh tụng tại phiên tòa, các bị cáo H và N đều đã thực sự thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi của mình. Do đó, các bị cáo H và N được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo H có thời gian đi nghĩa vụ công an; bị cáo có ông nội là Lê Đình L có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đây là những tình tiết được Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần mức hình phạt nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo N là người có nhân thân xấu, từng bị xét xử về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đã được xóa án tích, bị cáo H ngoài lần phạm tội này thì trước đây chưa có tiền án, tiền sự; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có tương lai rộng mở phía trước nhưng các bị cáo không lấy đó làm động lực để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, chăm chỉ lao động, làm ăn lương thiện để đóng góp phát triển xã hội mà chọn con đường nghiện hút ma túy dẫn đến có hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay, tình hình tội phạm và tệ nạn ma túy tiếp tục diễn biến phức tạp, gây tác động xấu đến đời sống xã hội. Do đó, cần phải xét xử nghiêm, áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có cơ hội cai nghiện, cải tạo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội

[6] *Về hình phạt bổ sung:* hình phạt chính là nghiêm khắc và đủ sức răn đe các bị cáo nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo H và N về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 và 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, xét thấy:

+ Đối với mẫu vật hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 03 bì niêm phong kèm theo kết luận giám định số 90/KL-KTHS ngày 19/01/2024, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, bao gồm: bì thư niêm phong ký hiệu “G1” chứa 0,687 gam mẫu G1a và 0,206 gam mẫu G1b; bì thư niêm phong ký hiệu “G2” chứa 0,440 gam mẫu G2a và 0 gam mẫu G2b là ma túy, đây là vật nhà nước cấm lưu hành; 01 đĩa sứ màu trắng đựng trong bì thư niêm phong ký hiệu “G3” là dụng cụ dùng để sử dụng ma túy và không còn giá trị

sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy. Riêng đối với 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 VND dùng làm ống hút được niêm phong trong bì thư ký hiệu “G3” thì tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại 01 Căn cước công dân mang tên Lê Đình Chánh H được niêm phong trong bì thư ký hiệu “G3” cho bị cáo Lê Đình Chánh H.

+ Đối với 01 loa màu đen có chữ “harman kardon”, 01 đèn màu trắng, 01 đèn màu đen có chữ K10, loa và đèn này các bị cáo dùng để phát nhạc, bật đèn trong lúc sử dụng ma túy và còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu nộp, ngân sách Nhà nước;

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, số imei: 350981863174618, có gắn sim số 0935030610 là điện thoại của bị cáo H sử dụng để liên lạc mua ma túy và 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, số imei: 357650612858358, có gắn sim số 0972101091 là điện thoại của bị cáo N sử dụng để phát nhạc trong lúc sử dụng ma túy, vì vậy đây là những công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội và còn giá trị sử dụng nên cần tiến hành tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước;

+ Đối với số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) của Lê Thị Thanh N. Bị cáo N khai sử dụng để tiêu xài cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội, vì vậy cần tuyên trả lại số tiền này cho bị cáo N nhưng tiếp tục quy trừ để đảm bảo công tác thi hành án.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Vấn đề khác:

Đối với người thanh niên bán ma túy cho H, hiện không xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê tiếp tục làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

Đối với hành vi cất giấu 0,570 gam ma túy, loại ketamin và 0,160 gam ma túy, loại MDMA của Lê Thị Thanh N thì Lê Đình Chánh H không biết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thanh Khê không đề cập xử lý về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Lê Đình Chánh H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: bị cáo Lê Đình Chánh H 03 (ba) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 11/01/2024).

2. Tuyên bố: bị cáo Lê Thị Thanh N phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2.1. Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: bị cáo Lê Thị Thanh N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2.2. Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp buộc bị cáo N phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 11/01/2024).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, khoản 2 và 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:

Tịch thu, tiêu hủy đối với số ma túy là mẫu vật hoàn trả sau giám định được niêm phong trong 03 bì niêm phong kèm theo kết luận giám định số 90/KL-KTHS ngày 19/01/2024, có đóng dấu giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng, bao gồm: bì thư niêm phong ký hiệu “G1” chứa 0,687 gam mẫu G1a và 0,206 gam mẫu G1b; bì thư niêm phong ký hiệu “G2” chứa 0,440 gam mẫu G2a và 0 gam mẫu G2b là ma túy; 01 đĩa sứ màu trắng đựng trong bì thư niêm phong ký hiệu “G3”;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước, đối với 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 VND được niêm phong trong bì thư ký hiệu “G3”, 01 loa màu đen có chữ “harman kardon”, 01 đèn màu trắng, 01 đèn màu đen có chữ K10, 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu xám, số imei: 350981863174618, có gắn sim số 0935030610 là điện thoại của bị cáo Hoài; 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu tím, số imei: 357650612858358, có gắn sim số 0972101091 là điện thoại của bị cáo N.

Trả lại 01 Căn cước công dân mang tên Lê Đình Chánh H được niêm phong trong bì thư ký hiệu “G3” cho bị cáo Lê Đình Chánh H.

Trả lại 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) cho bị cáo Lê Thị Thanh N nhưng tiếp tục quy trữ để đảm bảo công tác thi hành án.

(Vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Thanh Khê theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/4/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê và Chi cục Thi hành án Dân sự quận Thanh Khê).

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo Lê Đình Chánh H và Lê Thị Thanh N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Các bị cáo, người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26/12/2024). Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Cơ quan điều tra Công an quận Thanh Khê;
- Cơ quan thi hành án hình sự CA Đà Nẵng;
- Trại Tạm giam Công an tp. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Trần Hoàng Dũng

